Chi tiết mã HS 9015.10.90

Mã HS	9015.10.90
Mô tả hàng hóa	Thiết bị và dụng cụ dùng để quan trắc (kể cả quan trắc ảnh), dùng cho thủy văn học, hải dương học, thủy học, khí tượng học hoặc địa lý học, trừ la bàn; máy đo xa / - Máy đo xa: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	05/11/2026 12:10:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90151090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18047
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18047
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18047
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17358
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17287
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17287
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17287
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17287
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17287
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17287
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17343
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17343

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17343
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17343
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17343
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17343
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17344
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17344
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17344
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17344
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17344
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17344
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17349
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17305
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17301
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17301
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17301
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17301
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17301
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17301
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17347
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17347
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17347
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17347
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17347
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17347
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17409
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17409

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17409
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17409
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17409
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17409
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17385
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17385
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17385
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17385
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17385
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17385
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17380
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17380
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17380
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17380
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17380
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17380
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17410
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17410
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17410
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17410
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17410
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17410
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17409
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17409
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17409
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17409

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17409
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17409
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17503
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17503
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17503
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17503
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17503
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17503
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17503
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17372
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17372
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17372
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17372
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17372
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17372
RCEP B	2022	2022	0	B!D17372
RCEP B	2023	2023	0	B!E17372
RCEP B	2024	2024	0	B!F17372
RCEP B	2025	2025	0	B!G17372
RCEP B	2026	2026	0	B!H17372
RCEP B	2027	2027	0	B!I17372
RCEP C	2022	2022	0	C!D17370
RCEP C	2023	2023	0	C!E17370
RCEP C	2024	2024	0	C!F17370
RCEP C	2025	2025	0	C!G17370
RCEP C	2026	2026	0	C!H17370

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17370
RCEP D	2022	2022	0	D!D17369
RCEP D	2023	2023	0	D!E17369
RCEP D	2024	2024	0	D!F17369
RCEP D	2025	2025	0	D!G17369
RCEP D	2026	2026	0	D!H17369
RCEP D	2027	2027	0	D!I17369
RCEP E	2022	2022	0	E!D17373
RCEP E	2023	2023	0	E!E17373
RCEP E	2024	2024	0	E!F17373
RCEP E	2025	2025	0	E!G17373
RCEP E	2026	2026	0	E!H17373
RCEP E	2027	2027	0	E!I17373
RCEP F	2022	2022	0	F!D17372
RCEP F	2023	2023	0	F!E17372
RCEP F	2024	2024	0	F!F17372
RCEP F	2025	2025	0	F!G17372
RCEP F	2026	2026	0	F!H17372
RCEP F	2027	2027	0	F!I17372
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16289
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16289
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16289
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16289

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL1)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9015.10 có 2 dòng thuế; dòng 9015.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9015.10.10 Dùng trong việc chụp ảnh hoặc quay phim	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9015.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9015.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18047), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.